

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

*(Ban hành kèm theo Thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

-----*

Hà nội, ngày 15 tháng 04 năm 2011

MỤC LỤC NỘI DUNG

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
1. Những sự kiện quan trọng.....	4
2. Quá trình phát triển	4
2.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.....	4
2.2. Tình hình hoạt động	5
3. Định hướng phát triển	5
3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	5
3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	5
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
1. Những nét nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2010.....	7
2. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010.....	7
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010.....	8
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.....	8
4.1. Nhận định triển vọng kinh doanh năm 2011	8
4.2. Kế hoạch hoạt động năm 2011	10
III. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	12
1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010.....	12
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	13
2.1. Hoạt động môi giới	13
2.2. Hoạt động tự doanh, đầu tư góp vốn	14
2.3. Hoạt động tư vấn	15
2.4. Hoạt động khác	16
3. Kế hoạch phát triển trong năm 2011	16
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2010	18
V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	18
1. Cơ cấu tổ chức của Công ty	18
2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành	18
3. Quyền lợi và nghĩa vụ của Ban Tổng Giám đốc.....	21
4. Cơ cấu và chính sách lao động của Công ty	22
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN & QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	24
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.....	24
1.1. Cơ cấu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.....	24

1.2.	<i>Hoạt động của Hội đồng quản trị</i>	24
1.3.	<i>Hoạt động của Ban kiểm soát</i>	26
1.4.	<i>Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty</i>	27
1.5.	<i>Thù lao, lương, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty</i>	28
1.6.	<i>Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị Công ty tính đến ngày 31/03/2011</i>	28
2.	<i>Dữ liệu thống kê về cổ đông của Công ty</i>	28
2.1.	<i>Thông tin về cổ đông sáng lập tính đến 31/3/2011</i>	29
2.2.	<i>Thông tin về cổ đông nước ngoài tính đến 31/3/2011</i>	29

WSS

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được chính thức thành lập theo Giấy phép số 86/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/12/2007; Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số 303/UBCK – GP cấp ngày 24/2/2010 với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Bảo lãnh phát hành và Lưu ký chứng khoán.

Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall là các doanh nghiệp danh tiếng có tiềm lực tài chính lớn, gồm có: Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu viễn thông, Tổng Công ty Đức Giang, và một số cổ đông cá nhân có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Ngoài ra, WSS còn nhận được sự quan tâm chiến lược từ nhiều tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

Giới thiệu về Công ty:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall
- Tên Tiếng Anh: Wall Street Securities Company
- Logo: 
- Vốn điều lệ: **503.000.000.000 VND** (*Năm trăm lẻ ba tỷ đồng*)
- Trụ sở chính: **Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội**
- Điện thoại: (84.4) 3824 8686/ 3936 7083 Fax: (84.4) 3936 7082
- Email: info@wss.com.vn
- Website: <http://www.wss.com.vn>
- Mã số thuế: **0102590252**
- Thời gian hoạt động của Công ty: Không giới hạn

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

- ✓ Môi giới chứng khoán
- ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán
- ✓ Lưu ký chứng khoán
- ✓ Nghiên cứu – phân tích
- ✓ Tư vấn thu tóm và sáp nhập doanh nghiệp (M&A)
- ✓ Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- ✓ Dịch vụ hỗ trợ tài chính

- ✓ Bảo lãnh phát hành

2.2. Tình hình hoạt động

- Ngày 30/1/2008, WSS trở thành thành viên giao dịch thứ 65 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 45/QĐ-TTGDHN.
- Ngày 29/2/2008, Tổng Giám đốc Trần Đức Sinh đã ký Quyết định số 73/QĐ-SGDHCM chấp nhận WSS là thành viên giao dịch thứ 73 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- Tháng 11/2009, WSS thực hiện chào bán 19,8 triệu cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn Điều lệ từ 168 tỷ đồng lên 366 tỷ đồng.
- Ngày 15/12/2009, WSS chính thức niêm yết 16,8 triệu cổ phiếu trên SGDCK Hà Nội.
- Ngày 1/6/2010, Chi nhánh Sài Gòn của Chứng khoán Phố Wall chính thức khai trương tại địa chỉ số 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM.
- Ngày 09/7/2010, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (WSS) ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Công ty Chứng khoán Alba-ace (Nhật Bản).
- Ngày 8/8/2010, Chứng khoán Phố Wall khai trương Phòng Giao dịch Hoàn Kiếm tại địa chỉ 46 Ngô Quyền, Hà Nội.
- Ngày 25/01/2011, WSS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 07/GPĐC-UBCKNN với số vốn điều lệ là 503.000.000.000 đồng.

3. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng thị trường chứng khoán, quan hệ hợp tác hiệu quả, bền vững và minh bạch; làm cầu nối giữa các nhà đầu tư trong, ngoài nước, các định chế tài chính và các doanh nghiệp nhằm mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng, cán bộ nhân viên và cổ đông của Công ty;
- Xây dựng và gìn giữ uy tín của công ty bằng sự chuyên nghiệp, chính trực và cẩn trọng trong từng hành động;
- Chăm lo, bồi dưỡng nâng cao năng lực các thành viên Công ty nhằm xây dựng tập thể trình độ chuyên nghiệp cao, đoàn kết và có tinh thần đồng đội.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Thu hút và xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao, giàu kinh nghiệm;
- Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm phát triển của công ty chứng khoán thành công trên thế giới để trở thành công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam;
- Phát triển mạng lưới chi nhánh, đại lý trong toàn quốc, xây dựng văn phòng đại diện tại một số nước trong khu vực và trên thế giới;

- Không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Phát triển thêm những sản phẩm, dịch vụ mới nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng;
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, sáp nhập và mua bán doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành, hướng tới trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu của Việt Nam;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng cho các hoạt động của Công ty.

WSS

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2010

Năm 2010, có nhiều biến cố khó dự báo đã xảy ra trên thế giới và trong nước, ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán. Trên thế giới, mặc dù nền kinh tế được hồi phục dần sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, nhưng chưa thực sự vững chắc, còn tiềm ẩn nhiều bất ổn và rủi ro, trong đó đặc biệt là khủng hoảng nợ có nguy cơ lan rộng tại khu vực đồng tiền chung Châu Âu. Tâm lý lo sợ về cuộc khủng hoảng nợ nêu trên chưa hết thì trong nước xảy ra sự kiện VINASHIN. Ngoài ra, do mặt bằng lãi suất cao, các doanh nghiệp đua nhau tăng vốn điều lệ, nhiều ngân hàng cũng có vốn điều lệ thấp phải chấp hành quy định của Nhà nước, đồng loạt tăng vốn. Nhiều doanh nghiệp nhận định thị trường có cơ hội cũng đăng ký niêm yết. Những yếu tố đó đã làm cho thị trường chứng khoán không đứng vững được, chỉ số giá suy giảm, thanh khoản giảm sút. Hoạt động kinh doanh của hầu hết các công ty chứng khoán đều bị ảnh hưởng, khá nhiều Công ty chứng khoán bị rủi ro, thua lỗ.

Năm 2010, mặc dù Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall đã nỗ lực hạn chế các tác động tiêu cực của tình hình thị trường chung và ảnh hưởng của các thị trường chứng khoán khác trên thế giới và trong khu vực nhưng Công ty vẫn không tránh khỏi thiệt hại về doanh thu, trong khi chi phí kinh doanh lại cao, khiến lợi nhuận trong năm của Công ty bị giảm sút đáng kể.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010

Mặc dù Hội đồng Quản trị đã luôn bám sát diễn biến thị trường và chỉ đạo kịp thời hoạt động của Công ty, xong kết quả kinh doanh năm 2010 thấp, không đạt được nhiệm vụ kế hoạch.

Tổng doanh thu toàn Công ty là **112.031.083.373 đồng**. Cụ thể như sau:

Bảng 1: So sánh Doanh thu thực hiện với kế hoạch kinh doanh năm 2010

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	% TH/KH
Doanh thu	186.000.000.000	112.031.083.373	60,23%
Doanh thu hoạt động Môi giới	25.000.000.000	6.551.470.092	26,21%
Doanh thu hoạt động đầu tư góp vốn	65.000.000.000	19.614.509.375	30,18%
Doanh thu hoạt động Tư vấn	58.750.000.000	52.254.323.317	88,94%
Doanh thu khác	37.250.000.000	33.610.780.589	90,23%
Tổng lợi nhuận trước thuế	146.400.000.000	18.750.533.864	12,81%
Tổng lợi nhuận sau thuế	109.800.000.000	14.453.989.289	13,16%

Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ đạt 14,45 tỷ đồng, không đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Năm qua, do thị trường không thuận lợi nên kết quả phát hành cũng không đạt được mục tiêu đề ra. Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 366 tỷ đồng lên 503 tỷ đồng, tổng giá trị phát hành đạt 137 tỷ đồng.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010

- Trong năm 2010, Công ty đã được cấp giấy phép phát hành cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 366 tỷ đồng lên 1.068 tỷ đồng. Tuy nhiên do thị trường không thuận lợi nên kết quả phát hành cũng không đạt được mục tiêu đề ra. Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 366 tỷ đồng lên 503 tỷ đồng, tổng giá trị phát hành đạt 137 tỷ đồng.
- Ngoài ra trong năm 2010, Công ty cũng đánh dấu sự phát triển và mở rộng mạng lưới hoạt động của mình bằng việc thành lập 01 chi nhánh Sài Gòn tại Thành phố Hồ Chí Minh và 01 phòng giao dịch Hoàn Kiếm tại 46 Ngô Quyền - Hà Nội.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

4.1. Nhận định triển vọng kinh doanh năm 2011

Năm 2011 sẽ tiếp tục là một năm nữa đầy thử thách với thị trường chứng khoán của nước ta.

Bối cảnh thế giới

- Năm 2010 trôi qua, tín hiệu hồi phục kinh tế trên thế giới, cùng sự khởi sắc của các thị trường chứng khoán chủ chốt đã tiếp thêm niềm tin cho giới đầu tư. Đã có nhiều kỳ vọng lạc quan về thị trường chứng khoán năm 2011. Tuy nhiên, từ đầu năm đến nay, hàng loạt những bất ổn đã xảy ra làm ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
- Bất ổn khu vực Trung Đông – Bắc Phi: biểu tình, bạo loạn chống đối chính phủ, nội chiến ở các quốc gia Trung Đông nổ ra, đã làm cho giá dầu vốn đã tăng cao lại càng cao hơn. Đỉnh điểm vào cuối tháng 2, giá dầu thô Brent trên thị trường Luân Đôn đã lên tới 110 USD/thùng – mức cao nhất trong hai năm trở lại đây. Là nguồn nguyên nhiên liệu chính cho hàng loạt nhu cầu sản xuất – tiêu dùng, giá dầu tăng khiến nguy cơ lạm phát cao bao trùm khắp thế giới.
- Thảm họa động đất, sóng thần, và nguy cơ sự cố hạt nhân tại Nhật Bản, gây thiệt hại cho đất nước này khoảng 180 tỷ USD (theo ước tính của Credit Suisse và Barclays). Không chỉ dừng ở đó, hệ lụy kéo theo là nhiều cơ sở sản xuất bị tàn phá, tình trạng sự cố nhà máy điện hạt nhân làm cho năng lực sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của Nhật, một nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới giảm sút, điều này sẽ ảnh hưởng tới nhiều nền kinh tế khác trên thế giới. Điều chắc chắn rằng, dòng vốn ODA và đầu tư của Nhật vào Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng nặng nề.
- Ngoài ra, các nền kinh tế lớn trên thế giới cũng gặp những vấn đề khó khăn riêng. Nước Mỹ cũng đang gặp mối lo thâm hụt ngân sách lớn, buộc Chính phủ Mỹ phải thực hiện chính sách tài chính thận trọng hơn. Khu vực đồng tiền chung châu Âu cũng vẫn tiếp tục bị đe dọa bởi khủng hoảng nợ công. Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới phải tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn chế cung tiền để đối phó với lạm phát tăng cao.

- Nhìn chung, các tổ chức kinh tế, tài chính thế giới đều nhận định tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới năm 2011 sẽ kém năm 2010.

Bối cảnh trong nước và khó khăn tạm thời

- Một mặt chịu ảnh hưởng xấu từ tình hình kinh tế thế giới, bản thân kinh tế trong nước cũng có những bất ổn riêng, ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán.
- Chúng ta phải đối phó với tình trạng thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế năm 2010 khá cao. Ngoài việc quản lý tốt dòng ngoại tệ, việc tăng tỷ giá giữa đồng nội tệ và đồng ngoại tệ là việc làm không thể tránh. Hiện nay, tỷ giá đã được điều chỉnh tăng, nhưng chắc chắn sẽ còn tăng tiếp, có như vậy mới hạn chế được nhập khẩu siêu và khuyến khích dòng vốn ngoại vào nền kinh tế nước ta.
- Hiện nay, Chính phủ đã và đang phải thực hiện đồng thời chính sách tài chính và chính sách tiền tệ thắt chặt để đối phó với lạm phát cao. Năm 2010, tăng trưởng tín dụng thực tế của toàn bộ nền kinh tế gần 30%, nhưng các doanh nghiệp vẫn tỏ ra thiếu vốn, lãi suất hầu hết duy trì ở mức khá cao. Năm 2011, hạn mức tăng trưởng tín dụng bị thu hẹp dưới 20%, điều này chắc chắn sẽ gây khó khăn hơn và kéo dài cho các doanh nghiệp. Hiện nay, lãi suất đầu ra của các ngân hàng đã được đẩy lên mức khá cao, việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng lại không dễ dàng làm cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn hơn. Hầu hết các doanh nghiệp đều phải cắt giảm kế hoạch đầu tư và tăng trưởng năm 2011, thậm chí thu hẹp quy mô sản xuất, kinh doanh. Sau các đợt điều chỉnh tỷ giá và giá xăng dầu, giá điện,...hiệu ứng lạm phát cao đã hiển hiện rõ nét, sắp tới mức lương tối thiểu được điều chỉnh và lương cán bộ, công chức, nhân viên khối các cơ quan hành chính, sự nghiệp tăng, do đó khả năng giá cả tiếp tục tăng nhẹ trong thời gian tới. Như vậy, việc xử lý lạm phát và kéo mặt bằng lãi suất xuống thấp còn mất nhiều thời gian.
- Ngoài việc phải chịu ảnh hưởng từ những khó khăn chung của nền kinh tế, thị trường chứng khoán còn gặp những khó khăn riêng do tín dụng cho lĩnh vực bất động sản và chứng khoán bị siết chặt.
- Tóm lại, chính sách tài chính, tiền tệ thắt chặt hướng tới mục tiêu dài hạn là ổn định kinh tế vĩ mô, song trước mắt sẽ gây ra những khó khăn nhất định cho nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Mặc dù giá chứng khoán thời điểm hiện tại được đánh giá là rẻ nhưng chắc chắn sẽ chưa thể bứt phá ngay được. Thị trường sẽ tiếp tục chứng kiến sự giao động trồi sụt tại vùng giá này, thậm chí nhiều khả năng thấp hơn một chút trong thời gian tới, đó cũng là giai đoạn tích lũy để bứt phá khi những thông tin tốt về nền kinh tế được hé lộ.

Triển vọng dài hạn

Những khó khăn tạm thời trong giai đoạn hiện nay làm cho giá chứng khoán rẻ, thị trường kém thanh khoản. So với các thị trường chứng khoán trong khu vực, thị trường chứng khoán Việt Nam có các chỉ số P/E và P/B đều thấp, do đó sẽ rất hấp dẫn nguồn vốn mới tham gia thị trường. Nếu nhìn về dài hạn, những khó khăn của nền

kinh tế sẽ qua đi, việc hạn chế cho vay chứng khoán sẽ tránh được tình trạng bong bóng, giúp thị trường phát triển ổn định. Chính sách tài chính và tiền tệ sẽ được nới lỏng, mặt bằng lãi suất sẽ được điều chỉnh giảm dần khi lạm phát được kiểm chế. Đó là nền tảng cơ sở cho thị trường hồi phục.

4.2. Kế hoạch hoạt động năm 2011

Trên cơ sở nhận định tình hình như trên, định hướng hoạt động của Công ty năm 2011 là cơ cấu lại hoạt động kinh doanh và tổ chức doanh nghiệp theo hướng thu hẹp, quyết tâm cắt giảm những mảng hoạt động không hiệu quả, phát huy những mảng hoạt động có hiệu quả.

- Đối với hoạt động môi giới, chi phí khá lớn, nhưng hiệu quả không cao. Thị trường đang trong giai đoạn kém thanh khoản, khối lượng và giá trị giao dịch thấp, môi trường cạnh tranh gay gắt, một số Công ty chứng khoán chạy theo doanh số bằng việc duy trì tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao cho khách hàng, thực tế giải pháp này tỏ ra không có hiệu quả do rủi ro lớn. Ngoài ra, một số Công ty tăng cường đầu tư về công nghệ và cơ sở vật chất, nhưng hiệu ứng này đối với tăng doanh số không cao. Hội đồng Quản trị có chủ trương thu gọn mảng kinh doanh môi giới, quyết tâm cắt giảm hoặc thu gọn những đơn vị môi giới không hiệu quả để giảm bớt chi phí, hạn chế đến mức tối thiểu đầu tư mở rộng mạng lưới kinh doanh môi giới bằng vốn của Công ty, ưu tiên mở rộng mạng lưới trên cơ sở hợp tác với các đối tác khác.
- Đối với hoạt động đầu tư, cơ cấu vốn cho đầu tư dài hạn vào các dự án có tiềm năng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn đầu tư. Hiện nay, Công ty cùng một số đối tác đang triển khai một số dự án bất động sản lớn như dự án Khu Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và căn hộ chung cư Đại La, dự án Văn phòng cho thuê và chung cư Ngọc Lâm. Thời gian tới, Công ty cần tích cực tham gia cùng các đối tác để các dự án này được triển khai khẩn trương. Đồng thời, tiếp tục tích cực tham gia lập và triển khai các dự án khác, trong đó đặc biệt chú trọng dự án Trung tâm thương mại và chung cư Đức Giang. Hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán phải hết sức thận trọng, chỉ giải ngân giá trị lớn khi cơ hội thực sự rõ ràng.
- Tiếp tục phát huy thế mạnh về hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, để hoạt động này luôn là dịch vụ mang lại doanh thu cao cho Công ty.
- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để khai thác hiệu quả nguồn vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư.
- Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo, theo dõi sát tình hình vĩ mô và biến động của nền kinh tế để một mặt hỗ trợ tốt hơn cho nhà đầu tư, mặt khác phục vụ đặc lực hoạt động đầu tư.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nhân sự, chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ, tiếp tục đào tạo, nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ, cán bộ, nhân viên.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

Khoản mục	Kế hoạch năm 2011 (ĐV: đồng)
I. Doanh thu	123,000,000,000
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9,647,500,000
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	50,000,000,000
Doanh thu hoạt động tư vấn	30,000,000,000
Doanh thu khác	33,352,500,000
II. Chi phí:	44,430,000,000
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	29,430,000,000
2. Chi phí quản lý	15,000,000,000
Kết quả kinh doanh (lợi nhuận trước thuế)	78,570,000,000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19,642,500,000
Lợi nhuận sau thuế	58,927,500,000

Năm nay, do thị trường chứng khoán khó khăn, chủ trương của Công ty là hướng tới lợi ích lâu dài, đầu tư dài hạn các dự án nên không đề ra mức lợi nhuận cao.\

III. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010

Bảng 3: Các Chỉ tiêu tài chính của Công ty tính đến 31/12/2010

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010
KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	7,28	2,95
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	7,19	2,74
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	1,08	0,96
CƠ CẤU VỐN			
Nợ/Tổng tài sản	%	9,07	30,09
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9,98	43,04
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
DTT/ Tổng tài sản	Lần	0,22	0,21
KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số LNST/DTT	%	68,92	12,90
Hệ số LNST/VCSH	%	16,69	3,87
Hệ số LNST/Vốn điều lệ	%	18,32	3,95
Hệ số LNST/Tổng TS	%	15,18	2,71
Hệ số LN từ hoạt động KD/DTT	%	78,54	16,57
CHỈ TIÊU LIÊN QUAN TỚI CỔ PHẦN (MỆNH GIÁ 10.000 VND)			
EPS (Lợi nhuận trên 1 cổ phiếu)	Đồng	3.635	395
Giá trị sổ sách của 1 cổ phần	Đồng	10.978	10.140

Bảng 4: Thông tin về vốn chủ sở hữu, phân phối lợi nhuận từ năm 2009-2010

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VND	366.000.000.000	503.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	VND	168.000.000.000	366.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	VND	198.000.000.000	137.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	VND	366.000.000.000	503.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	%	10%	10%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010

Bảng 5: Thông tin về cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND) của Công ty tính đến 31/12/2010

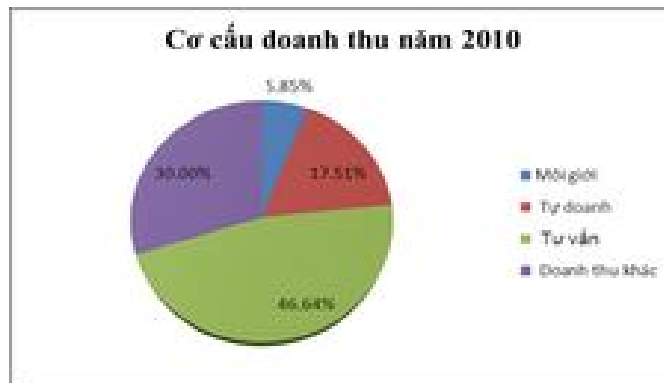
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010
Số lượng CP đăng ký phát hành	Cổ phiếu	36.600.000	50.300.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	Cổ phiếu	36.600.000	50.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu	36.600.000	50.300.000
Số lượng CP đang lưu hành	Cổ phiếu	36.600.000	50.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu	36.600.000	50.300.000

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

Kết thúc năm 2010, Tổng doanh thu của Công ty đạt hơn 112 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 18 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 14 tỷ đồng. Cơ cấu doanh thu như sau:

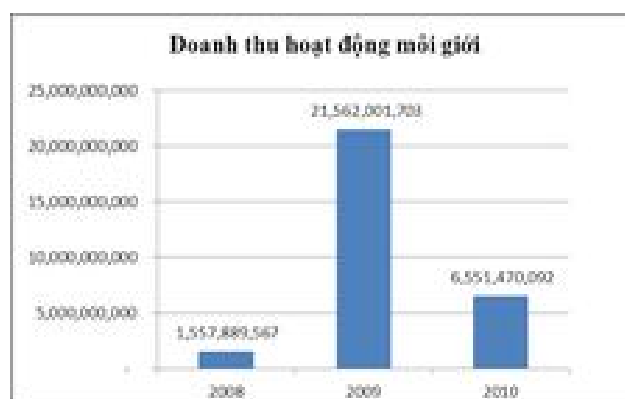
- Môi giới : đạt 6,5 tỷ, tương đương 5,85%
- Tự doanh : 19,6 tỷ tương đương 17,51%
- Tư vấn : 52,2 tỷ tương đương 46,64%
- Khác : 33,6 tỷ tương đương 30,00%



2.1. Hoạt động môi giới

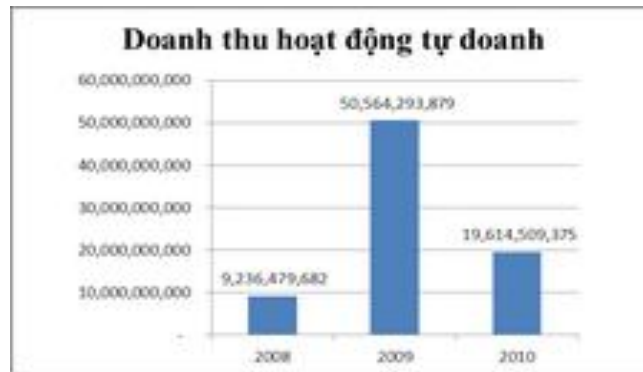
Hoạt động kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm qua diễn ra không thuận lợi, giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường thấp hơn mức bình quân của năm 2009, chưa đạt 2500 tỷ đồng/phiên giao dịch. Một số Công ty chứng khoán nhằm thu hút khách hàng đã nâng cao tỷ lệ đòn bẩy cho các nhà đầu tư, giảm phí giao dịch, tăng tỷ lệ hoa hồng cho nhân viên môi giới. Tuy nhiên, giải pháp này có tác dụng làm tăng nhanh doanh số, nhưng lợi nhuận không cao, không ít công ty trong số đó phải gánh chịu rủi ro do khách hàng vay bị thua lỗ âm tài khoản, không có khả năng trả nợ. Để phòng tránh rủi ro, Công ty Chứng khoán Phố Wall đã không chạy theo doanh số bằng mọi giá, do đó doanh thu môi giới thấp.

Năm qua, Công ty mở thêm chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, chi nhánh mới đi vào hoạt động, lại gặp thị trường khó khăn nên chưa phát huy được hiệu quả.



2.2. Hoạt động tự doanh, đầu tư góp vốn

a. Hoạt động tự doanh



Hoạt động tự doanh trong năm 2010 không đem lại kết quả như mong muốn do cả yếu tố khách quan của thị trường, lẫn chủ quan của bộ phận chuyên trách. Từ đầu năm 2010, phần lớn thị trường đều kỳ vọng vào một năm phục hồi và tăng trưởng. Tuy nhiên, những biến cố khó dự báo của nền kinh tế trong và quốc tế khiến cho kỳ vọng của thị trường nhanh chóng bị dập tắt. Trước biến cố này, bộ phận chuyên trách đã không chủ động đưa ra được phương án xử lý kịp thời, dẫn đến sự sụt giảm nhanh chóng của giá trị danh mục đầu tư và gây ra lỗ tự doanh trong quý IV/2010.

b. Các khoản Đầu tư dài hạn của Công ty

Các khoản đầu tư dài hạn của Phố Wall trong năm 2010 vẫn được duy trì nhằm thu được các khoản lợi nhuận vững chắc trong tương lai. Các khoản đầu tư lâu dài đảm bảo tuân thủ chặt chẽ yêu cầu: an toàn, hiệu quả. Một số khoản đầu dài hạn đã sắp đến thời kỳ hiện thực hóa lợi nhuận.

Đầu tư dài hạn vào Tổng Công ty Đức Giang

Công ty đã đầu tư tài chính dài hạn 21 tỷ đồng vào Tổng công ty Đức Giang.

Tổng Công ty Đức Giang là đơn vị kinh doanh có hiệu quả. Trong thời gian qua, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Đức Giang phát triển ổn định, có hiệu quả.

Ngoài lợi ích từ hoạt động kinh doanh may mặc, Tổng Công ty Đức Giang sở hữu giá trị quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 4hecta nằm trên phố Đức Giang. Đây là khu vực đang có tốc độ đô thị hóa cao, giá đất tăng nhanh. Công ty đang lập quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm xây dựng Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và khu chung cư trên diện tích đất này. Đây là khoản đầu tư có hiệu quả, khả năng mang lại lợi nhuận từ khu đất này là rất lớn, có thể hiện thực hóa trong năm 2011 và năm 2012.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển đô thị

Tính đến nay, Công ty đã đầu tư tổng số 24,8 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị. Hiện nay công ty này đang sở hữu Khu đô thị và sân golf Đàm Vạc, tên tiếng Anh là Herold Lake và dự án khách sạn, khu biệt thự và chung cư liền kề.

Tổng diện tích khu đô thị và sân golf Đầm Vạc là 120 ha. Sân golf Đầm Vạc 18 lỗ đã được khánh thành và đang khai thác. Dự kiến số lượng thẻ phát hành tối thiểu là 800 thẻ. Giá bán thẻ trung bình là trên 30,000 USD/thẻ. Đầm Vạc là một trong những sân golf có tiêu chuẩn quốc tế và là sân golf duy nhất nằm ngay cạnh thành phố tính đến thời điểm này.

Khu đô thị liền kề sân golf gồm khu biệt thự và chung cư đang được đầu tư xây dựng và sẽ có sản phẩm và hiện thực hóa lợi nhuận trong năm 2011.

Đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Thiên Đức

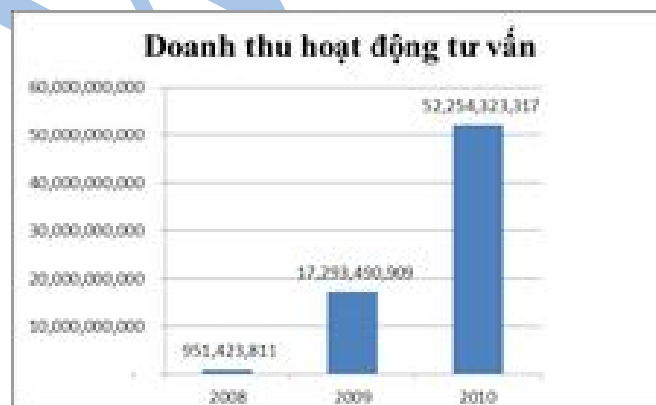
Công ty đã đầu tư 6,9 tỷ đồng. Đây là khoản đầu tư rất hiệu quả với mỏ đá Granite tại xã Canh Vinh, huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định với trữ lượng 18,6 triệu m³. Đây là mỏ lộ thiên, đá có màu đỏ Ruby, là một trong những loại đá Granite cứng, chất lượng cao phù hợp cho các công trình xây dựng cao cấp và xuất khẩu sang thị trường nước ngoài. Hoạt động khai thác đang trong giai đoạn chuẩn bị, dự kiến có sản phẩm vào cuối năm 2011.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Phố Wall (WSLand)

Công ty đầu tư 14,95 tỷ đồng, chiếm 14,9% vốn điều lệ vào CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall.

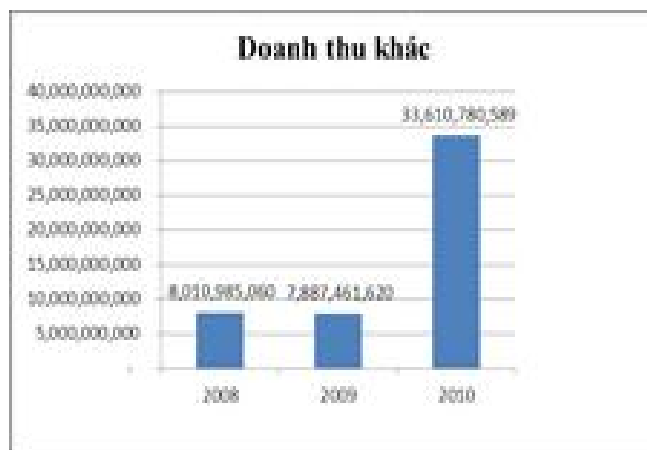
Hiện Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall đang triển khai một số dự án bất động sản rất tiềm năng tại một số vị trí khá tốt trên địa bàn Hà Nội như dự án Trung tâm thương mại và chung cư Đại La, Ngọc Lâm. Hiện nay các công việc của dự án đang tiến triển tốt, quy hoạch kiến trúc tổng thể mặt bằng sẽ được Sở Quy hoạch và Kiến trúc Hà Nội phê duyệt trong tháng 4/2011. Tiếp đến, các công việc lập Dự án đầu tư, hoàn thành công tác thiết kế, xin cấp phép xây dựng trong quý II và tổ chức thi công trong quý III/2011. Đây là khoản đầu tư mà chúng tôi đánh giá là có hiệu quả trong dài hạn.

2.3. Hoạt động tư vấn



Trong bối cảnh thị trường khó khăn, mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt được doanh thu 52.254.323.317 đồng, đây là con số đầy ấn tượng so với các công ty chứng khoán. Có được kết quả trên là do Công ty đã có định hướng đúng đắn và khai thác tốt thế mạnh của mình trong mối quan hệ với các đối tác lớn trên thế giới, trong đó phải kể đến việc hợp tác toàn diện với nhiều tổ chức kinh tế lớn của Nhật Bản như Công ty Chứng khoán ALBAACE, thành viên của tập đoàn ACE Nhật Bản; Công ty Tài chính Mitsubishi, Công ty cổ phần Chứng khoán NEW-S... hứa hẹn đem đến nhiều cơ hội tư vấn M&A cho Công ty.

2.4. Hoạt động khác



Doanh thu khác chủ yếu đến từ việc kinh doanh về vốn của Công ty trên cơ sở khai thác được một số nguồn vốn giá rẻ và mặt khác tận dụng những khoảng thời gian nhàn rỗi trong việc sử dụng vốn của Công ty.

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2011

Bảng 6: Kế hoạch tài chính năm 2011

Khoản mục	Kế hoạch năm 2011 (ĐV: đồng)
I. Doanh thu	123,000,000,000
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9,647,500,000
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	50,000,000,000
Doanh thu hoạt động tư vấn	30,000,000,000
Doanh thu khác	33,352,500,000
II. Chi phí:	44,430,000,000
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	29,430,000,000
2. Chi phí quản lý	15,000,000,000
Kết quả kinh doanh (lợi nhuận trước thuế)	78,570,000,000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19,642,500,000
Lợi nhuận sau thuế	58,927,500,000

Kế hoạch hoạt động cụ thể:

Hoạt động Môi giới:

- Chủ yếu duy trì ở hai trung tâm là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, không mở rộng đầu tư phòng giao dịch mới bằng nguồn vốn của Công ty, sẽ thu gọn một số điểm kinh doanh chi phí lớn, không hiệu quả.
- Phát triển mạng lưới môi giới thông qua hình thức hợp tác đầu tư với các tổ chức, cá nhân có năng lực, nâng số điểm giao dịch lên 20 điểm.
- Tăng cường mối quan hệ với các tổ chức tài chính, tín dụng để có nguồn vốn đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Thường xuyên cải tiến, nâng cấp cơ sở vật chất công nghệ thông tin để cung cấp tiện ích tốt hơn cho khách hàng.
- Nâng cao chất lượng công tác phân tích, dự báo để tư vấn tốt hơn cho nhà đầu tư;
- Áp dụng cơ chế khoán doanh số và thu nhập đối với đội ngũ, nhân viên môi giới;
- Doanh thu môi giới khoảng 9.647.500.000 tỷ đồng tăng không dưới 47% so với năm 2010.

Hoạt động tư vấn:

- Phát huy thế mạnh về các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa;
- Duy trì và phát triển các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp truyền thống như tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành, tư vấn niêm yết, tư vấn huy động vốn hoặc thoái vốn...
- Khai thác mối quan hệ với các đối tác nước ngoài, tận dụng triệt để cơ hội tư vấn do các mối quan hệ với nhóm đối tác này mang lại;
- Duy trì cơ cấu tổ chức gọn, nhẹ và linh hoạt trong việc tuyển dụng nhân sự;
- Doanh thu hoạt động tư vấn khoảng 30 tỷ đồng, tương đương 60% của năm 2010.

Hoạt động đầu tư:

Năm 2011 sẽ là năm còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, do vậy Công ty cơ cấu một tỷ lệ khiêm tốn, không quá 30% tổng vốn đầu tư cho hoạt động đầu tư ngắn hạn cổ phiếu và chỉ thực hiện giải ngân khi thấy rõ cơ hội đầu tư. Chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 70% tổng vốn đầu tư sẽ dành cho đầu tư dự án (Đại La, Ngọc Lâm, Đức Giang...). Nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, một phần từ vốn tự có của Công ty, một phần Công ty khai thác từ các nguồn khác.

Với hướng đầu tư trên, Công ty không kỳ vọng doanh thu đầu tư lớn trong năm 2011, khoảng 50 tỷ đồng.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2010

(Phụ lục đính kèm)

V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Họ và tên	: PHẠM ĐIỂM HOA
Ngày sinh	: 01/10/1976
Giới tính	: Nữ
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMTND	: 011768946, ngày cấp: 25/06/2008, nơi cấp: Hà Nội
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 40 Ấu Triệu, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: 40 Ấu Triệu, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại cơ quan	: 04.39367083
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ chuyên ngành tài chính

Quá trình công tác	: Từ năm 2000 - 2001: Công tác tại Phòng thương mại và Công nghiệp Việt nam; Từ năm 2001 - 2005: Công tác tại Công ty Chứng khoán Melbourne, Úc; Từ năm 2006 - 2007: Công tác tại Công ty TNHH Du lịch – Thương mại Mỹ Việt; Từ tháng 12/2007 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall.
Chức vụ hiện nay	: Phó Chủ tịch HĐQT – Kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 305.000 cổ phần
<u>Trong đó</u>	
- Cổ phần phổ thông	: 305.000 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan	: 3.200.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không

Họ và tên	: PHẠM ĐỨC LONG
Ngày sinh	: 20/6/1971
Giới tính	: Nam
Nơi sinh	: Nam Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMTND	: 012306453, ngày cấp: 20/11/1999, nơi cấp: Hà Nội.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: Số nhà 25 Tổ 7, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	: Căn hộ 808 nhà C khu đô thị mới VINACONEX3, đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài, phường Dịch

	Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại cơ quan	: 04.39367083
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ chuyên ngành tài chính
Quá trình công tác	: Từ năm 1993-1994: Công ty Tư vấn luật Đông Phương, Hà Nội; Từ năm 1994-1998: Thanh tra Nhà nước (nay là Thanh tra Chính phủ); Từ năm 1998- 2007: Công tác tại Văn phòng Chính phủ; Từ năm 2007- 2007: Công tác tại Công ty cổ phần chứng khoán Tân Việt; Từ tháng 12/2007 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall.
Chức vụ hiện nay	: Phó Chủ tịch HĐQT – kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 50.000 cổ phần
<u>Trong đó</u>	
- Cổ phần phổ thông	: 50.000 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không

Họ và tên	: VŨ NGỌC LAN
Ngày sinh	: 12/06/1976
Giới tính	: Nữ
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh

Số CMTND	: 011987228, ngày cấp 1/01/2007, nơi cấp Hà Nội
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: Số 24, Ngách 54/25, Kim Ngưu, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: Số 24, Ngách 54/25, Kim Ngưu, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại cơ quan	: 04.39367083
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	: Từ năm 6/1996 – 11/1996: Nhân viên Kế toán Công ty Best Return Investment Từ năm 12/1996-2004: Kế toán Công ty hợp tác lao động với nước ngoài phía Nam Hà Nội Từ năm 06/2004 – 06/2007: Trưởng phòng Du lịch nước ngoài Công ty TNHH Du lịch – Thương Mại Mỹ Việt Từ tháng 12/2007 đến nay: Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phần
<u>Trong đó</u>	
- Cổ phần phổ thông	: 0 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Cổ phần đang nắm giữ của những người có liên quan	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không

3. Quyền lợi và nghĩa vụ của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc theo các lĩnh vực do Tổng Giám đốc phân công.

Trong năm 2010, Ban Tổng Giám đốc Công ty có sự thay đổi, từ 05 thành viên Ban Tổng Giám đốc với 01 Tổng giám đốc, 03 Phó tổng giám đốc, giảm còn 03 thành viên với 01 Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

4. Cơ cấu và chính sách lao động của Công ty

Bảng 7: Cơ cấu lao động của Công ty năm 2010

Trình độ học vấn	Tổng cộng (người)	Tỷ lệ (%)
Trên đại học	11	15
Đại học	53	72
Cao đẳng, trung cấp	10	13
Tổng cộng	74	100

Nguồn: Báo cáo của Phòng Nhân sự - Công ty Cổ phần chứng khoán Phố Wall
Sang năm 2011, Công ty có kế hoạch phân bổ lại nhân sự, cụ thể như sau:

- Hội sở chính: Số nhân sự hưởng lương cố định không quá 60 nhân sự, số nhân sự hưởng lương theo doanh số, đặc biệt là môi giới sẽ không giới hạn số lượng
- Chi nhánh Sài Gòn: Số nhân sự hưởng lương cố định không quá 15 người; tương tự, số nhân sự hưởng lương theo doanh số không hạn chế số lượng.

Chính sách lao động của Công ty:

Thời gian làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án hoặc các công việc đột xuất cần giải quyết gấp thì Công ty bố trí làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng nhằm ghi nhận đóng góp của các nhân viên trong Công ty.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty được nghỉ lễ, tết theo đúng Quy định của Luật Lao động, CBCNV có thâm niên công tác từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

Điều kiện làm việc

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho nhân viên. Tạo điều kiện tốt nhất phục vụ cho công việc của từng bộ phận trong Công ty. Luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu chính đáng của tất cả cán bộ công nhân viên trong thời gian sớm nhất.

Chính sách thu hút nhân tài

WSS dành chính sách lương, thưởng và nhiều chế độ đãi ngộ cho các cán bộ, chuyên viên giỏi, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nhằm tạo sự khuyến khích tinh thần làm việc, nâng cao chất lượng công việc. Mặt khác, đây cũng là cách thu hút nhân lực chất lượng cao làm việc tại Công ty.

Đào tạo nâng cao trình độ

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tổ chức trong và ngoài nước.

Chính sách thưởng

Quy định khen thưởng áp dụng đối với toàn thể nhân viên có thành tích trong lao động và nghiêm chỉnh thực hiện Quy định làm việc này. Cụ thể như sau:

- Được tuyên dương trước toàn Công ty;
- Được cân nhắc áp dụng các chế độ khen thưởng như: thưởng đột xuất, thưởng tháng, thưởng quý, thưởng năm bằng tiền mặt hoặc cổ phần của Công ty và áp dụng chế độ nâng lương (theo Quy chế tiền lương, thưởng của mỗi Công ty trong Tập đoàn);
- Được tham gia các khoá đào tạo chuyên môn miễn phí theo yêu cầu của công việc;
- Được hưởng chế độ đãi ngộ khác như: tham gia mua cổ phiếu của Công ty và Tập đoàn theo giá ưu đãi, đi tham quan nghỉ mát (trong nước và nước ngoài) căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty và Tập đoàn. v.v...

Chính sách lương

Chính sách lương của WSS đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực, trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, nhân viên còn được hưởng lương, thưởng công việc theo năng suất và hiệu quả công việc.

Bảo hiểm và phúc lợi

WSS thực hiện việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo đúng Quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng với nhiều phòng khám đa khoa tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra sức khỏe hàng năm cho toàn bộ CBCNV. Cũng từ nguồn kinh phí của Quỹ phúc lợi, hàng năm công ty tổ chức cho toàn bộ nhân viên đi nghỉ mát tại một số khu du lịch cao cấp trong nước. Chính các hoạt động này đã góp phần gắn kết và tăng cường tính tập thể và xây dựng nên một tập thể nhân viên vững mạnh.

Tuân thủ nội quy và quy chế làm việc

Tất cả các cá nhân trong Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ mọi Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty, của pháp luật về lao động được bộ Luật Lao động qui định như: ký hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi qui định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN & QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty

1.1. Cơ cấu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ quản lý điều hành tại WSS
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	-
2	Phạm Diễm Hoa	Phó chủ tịch	Tổng giám đốc
3	Phạm Đức Long	Phó chủ tịch	Phó Tổng giám đốc
4	Phạm Xuân Phương	Thành viên	-
5	Ngô Tiến Minh	Thành viên	-
6	Phạm Thị Lợi	Thành viên	-
BAN KIỂM SOÁT			
1	Trần Đình Tùng	Trưởng ban	-
2	Đặng Thanh Lan	Thành viên	-
3	Đào Thị Bích Khánh	Thành viên	-

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.2.1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- a. Trình Đại hội cổ đông thông qua:
 - Định hướng phát triển của Công ty;
 - Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
 - Tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty;
 - Các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - Phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - Mức cổ tức hàng năm;
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;
 - Phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và trích lập các quỹ;
 - Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính tiếp theo;
 - Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản của Công ty;

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.
 - b. Quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty vì lợi ích của Công ty, cổ đông;
 - c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - e. Giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng; và các cán bộ quản lý khác của Công ty thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng Quản trị theo đúng các quy định của pháp luật; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - i. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định giá và thời điểm chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các loại chứng khoán chuyển đổi khác của Công ty;
 - j. Quyết định việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và các quy định có liên quan của pháp luật;
 - k. Quyết định giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - l. Quyết định mức cổ tức tạm thời và tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - m. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - o. Thông qua Hợp đồng mua bán vay, cho vay và Hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ Hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - p. Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Công ty;
 - q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty
- 1.2.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2010**
- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010, HĐQT Công ty đã thường xuyên theo dõi sát diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời cho các mặt hoạt động kinh doanh của

Công ty. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chủ tịch HĐQT đã thường xuyên làm việc tại Công ty, hàng tuần, tháng họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc và dự họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc với các cấp quản lý để theo dõi nắm bắt tình hình và chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- Định kỳ, HĐQT họp để đánh giá kết quả hoạt động của Công ty và định hướng hoạt động cho thời gian tiếp theo.
- Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp bất thường để xử lý các công việc thuộc thẩm quyền và kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.3. Hoạt động của Ban kiểm soát

1.3.1. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- e. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị ; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông;
- f. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- g. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

- h. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- i. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- j. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;
- k. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;
- l. Các nhiệm vụ khác quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1.3.2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2010

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010 trong công tác quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể là :

- Xem xét tính phù hợp đối với các Quyết định của Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra, đánh giá các Quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp;
- Tham gia các cuộc họp của HDQT, kiểm tra giám sát việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010 của HDQT, Ban Tổng Giám đốc;
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng Giám đốc lập;
- Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra;
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

1.4. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

- Tình hình thị trường chứng khoán năm 2011 còn nhiều khó khăn, trong bối cảnh môi trường kinh doanh cạnh tranh gay gắt, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cần khẩn trương cơ cấu lại hoạt động kinh doanh và cơ cấu tổ chức để phát huy điểm mạnh, khắc phục kịp thời những mặt còn yếu kém để hoạt động kinh doanh có hiệu quả;
- Các Khối, Phòng ban chức năng cần thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy trình công tác đã ban hành, thường xuyên rà soát và hoàn thiện những quy định, quy chế để phù

hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh và yêu cầu của các cơ quan quản lý, chấn chỉnh công tác quản trị Tài chính, quản trị rủi ro để ngăn ngừa vi phạm, tổn thất trong kinh doanh; phấn đấu thực hiện thắng lợi các Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2011 của Công ty;

- Ban TGD cần xem xét, rà soát lại hệ thống chi nhánh, đại lý của Công ty trên toàn quốc, kiên quyết tạm dừng hoặc dừng hẳn hoặc cơ cấu lại những đơn vị hoạt động không hiệu quả; phân tích sát diễn biến nền kinh tế và thị trường chứng khoán để có bước đi phù hợp.

1.5. Thù lao, lương, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Đại hội cổ đông năm 2010 đã nhất trí thông qua mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành như sau:

- Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 1,5 tỷ đồng.
- Phần thưởng dành cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành là 10% lợi nhuận sau thuế.

Sang năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên cũng đã nhất trí thông qua mức thù lao và thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành giữ nguyên như năm 2010.

1.6. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị Công ty tính đến ngày 31/03/2011

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn điều lệ (%)
1	Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	3.200.000	6,36
2	Phạm Diễm Hoa	Phó chủ tịch	305.000	0,61
3	Phạm Đức Long	Phó chủ tịch	100	0
4	Phạm Xuân Phương	Thành viên	1.700.000	3,38
5	Ngô Tiến Minh	Thành viên	1.300.000	2,58
6	Phạm Thị Lợi	Thành viên	100.000	0,20

2. Dữ liệu thống kê về cổ đông của Công ty

Bảng 8: Cơ cấu vốn của Công ty tính đến 31/3/2011

TT	Cổ đông	Số cổ phần	VĐL hiện tại (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông	50.300.000	503.000.000.000	100,0%
	Cổ đông sáng lập	8.600.000	86.000.000.000	17,1%
	Cổ đông phổ thông	41.700.000	417.000.000.000	82,9%

2	Cổ đông trong nước và nước ngoài	50.300.000	503.000.000.000	100,0%
	Cổ đông trong nước	48.700.800	487.008.000.000	96,82%
	Cổ đông nước ngoài	1.599.200	15.992.000.000	3,18%
3	Cổ đông là tổ chức và cá nhân	50.300.000	503.000.000.000	100,0%
	Cổ đông là tổ chức	6.773.000	67.730.000.000	13,5%
	Cổ đông cá nhân	43.527.000	435.270.000.000	86,5%
4	Cơ cấu vốn	50.300.000	503.000.000.000	100,0%
	Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% vốn điều lệ)	3.200.000	32.000.000.000	6,36%
	Cổ đông nắm giữ từ 1-5% vốn điều lệ	28.026.600	280.266.000.000	55,10%
	Cổ đông nắm giữ dưới 1% vốn điều lệ	19.073.400	190.734.000.000	38,54%

2.1. Thông tin về cổ đông sáng lập tính đến 31/3/2011

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP Sở hữu	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ Sở hữu
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển SACOM	KCN Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, Đồng Nai	2.000.000	20.000.000.000	3,98%
Tổng Công ty Đức Giang - Công ty cổ phần	Số 59, Đức Giang, P. Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	1.000.000	10.000.000.000	1,99%
Nguyễn Đình Tú	Số 97 Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.200.000	32.000.000.000	6,36 %
Nguyễn Văn Nhân	P 432/50 B Châu Long, Tập thể Ngân hàng, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	300.000	3.000.000.000	0,56 %
Ngô Tiến Minh	88, Ngõ Lương Sứ C, Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	1.300.000	13.000.000.000	2,58 %
Lê Hoàng Thương	Số 1 ngách 75 tổ 62 Linh Quang, Văn Chương, Hà Nội	800.000	8.000.000.000	1,59 %
Tổng cộng		8.600.000	86.000.000.000	17,10%

2.2. Thông tin về cổ đông nước ngoài tính đến 31/3/2011

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ
-------------	---------	-------	---------------	-------

		Sở hữu		Sở hữu
EUNJA KANG	United States	330.000	3.300.000.000	0,66%
KITMC VIETNAM GROWTH FUND 2	27 -1, yeouido - dong, yeongdeungpo - gu, seoul, korea	375.000	3.750.000.000	0,75%
KONG JERRY	2, Ngõ 190, Hoàng Quốc Việ, cổ nhuế, Từ Liêm, HN	90.800	908.000.000	0,18%
Shinichi Sano	307 La Maree Shirokane, 2-5-5, Shirogane, Minato-ku, Tokyo, Japan	300	3.000.000	0%
Liu Kuo Chil	No.49, Cyudong Village, Touwu, Township, Miaoli Country 362, Taiwan	1.500	15.000.000	0%
Chung Seung Il	144-9 Haeng Chon dong, Jong ro gu, Seoul , Korea	3.000	30.000.000	0,01%
YANG TAO MING	4F, #32 Chenda 3rd Street, Taipei 11699 Taiwan (R.O.C)	2.000	20.000.000	0%
Kwon Oh Hoon	203-1401, Gireum New Town, Gireumdong, Seoungbukgu, Seoul, Korea	40.000	400.000.000	0,08%
Park Byung Woon	101-1601 Dream Riververvill, 30/3 Dangsandong, 378 Young Dzung poku, Seoul, Korea	200.000	2.000.000.000	0,40%
Huang, Chun-Chieh	11F No 1025 Yu Cheng Road, Kaohsiung 804 Taiwan (R.O.C)	50.000	500.000.000	0,10%
Wu Ting - Yu	No.18, Lane 26, Jhongsiao 1st Rd., Sinsing District, Kaohsiung City 800,	15.000	15.000.000	0,03%

	Taiwan (R.O.C)			
Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa- ken, Japan	800	8.000.000	0%
Yen Hui Ling	3F., No.111, Yongchun St., Lugang Township, Changhua County 505, Taiwan (R.O.C.)	2.000	20.000.000	0%
FANG KAI TANG	5F-3, No 109, Huangsing Rd., Sanmin District, Kaohsiung City 807, Taiwan (R.O.C)	11.000	110.000.000	0,02%
Morita Liên	Phòng 1306 Khách sạn Vườn Hồng, Ngọc Khánh, Hà Nội	50.000	500.000.000	0,10%
Tổng cộng		1.599.200	15.992.000.000	3,18%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán**



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-28
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch là: WALL STREET SECURITIES COMPANY, tên viết tắt là WSS.

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 503.000.000.000 VND (Năm trăm linh ba tỷ đồng). Tương đương 50.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tú	Chủ tịch
Bà Phạm Diễm Hoa	Phó chủ tịch thường trực
Ông Phạm Đức Long	Phó chủ tịch
Bà Phạm Thị Lợi	Ủy viên
Ông Ngô Tiến Minh	Ủy viên
Ông Phạm Xuân Phương	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Bà Phạm Diễm Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Long	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Bà Vũ Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12/04/2010)
Ông Nguyễn Hải Hồng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/05/2010)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Tùng	Trưởng ban
Bà Đặng Thanh Lan	Ủy viên
Bà Đào Thị Bích Khánh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Diễm Hoa



Số: gob /2011/BC.KTTC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được lập ngày 26 tháng 01 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Đoàn

Chứng chỉ KTV số: Đ.0052/KTV

Kiểm toán viên

Cát Thị Hà

Chứng chỉ KTV số: 0725/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		473.100.793.874	292.068.436.238
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	153.685.771.128	43.205.685.653
111	1. Tiền		11.685.771.128	19.705.685.653
112	2. Các khoản tương đương tiền		142.000.000.000	23.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	286.401.630.453	245.258.214.499
121	1. Đầu tư ngắn hạn		294.393.472.591	246.125.162.799
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(7.991.842.138)	(866.948.300)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.462.863.614	3.029.476.816
131	1. Phải thu của khách hàng		12.605.698.513	104.857.440
132	2. Trả trước cho người bán		60.331.700	308.691.900
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	3.000.000
138	5. Các khoản phải thu khác	6	5.796.833.401	2.612.927.476
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.550.528.679	575.059.270
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.455.534.552	525.101.117
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		931.998.457	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	12.097.256.369	-
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		65.739.301	49.958.153
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		60.596.802.933	149.840.856.464
220	II. Tài sản cố định		6.114.789.068	5.722.589.076
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	4.683.051.815	4.566.687.388
222	- Nguyên giá		7.951.331.848	6.237.055.277
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.268.280.033)	(1.670.367.889)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	1.431.737.253	1.155.901.688
228	- Nguyên giá		2.147.949.300	1.420.583.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(716.212.047)	(264.681.712)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	47.763.000.000	140.693.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		52.743.000.000	52.743.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		14.950.000.000	87.950.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(19.930.000.000)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.719.013.865	3.425.267.388
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.358.462.461	1.659.290.693
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.361.957.610	221.073.453
268	4. Tài sản dài hạn khác		1.998.593.794	1.544.903.242
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		533.697.596.807	441.909.292.702

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		23.585.582.899	40.183.268.083
310	1. Nợ ngắn hạn		23.585.582.899	40.183.268.083
312	2. Phải trả người bán		1.941.295.132	418.093.856
313	3. Người mua trả tiền trước		41.039.463	10.029.040.056
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	362.368.938	15.997.592.653
315	5. Phải trả người lao động		351.403.364	443.011.377
316	6. Chi phí phải trả	15	407.779.197	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	7.689.808.814	4.354.910.000
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	8.519.762.485	8.417.740.213
321	10. Phải trả bộ có tức, gốc và lãi trái phiếu		426.865.839	440.839.928
322	11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		3.244.177.000	-
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		601.082.663	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		510.112.013.908	401.806.024.619
410	1. Vốn chủ sở hữu		510.112.013.908	401.806.024.619
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	366.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.782.978.243	6.782.978.243
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		329.035.665	29.023.046.376
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>533.697.596.807</u>	<u>441.909.292.702</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
	EUR		102,83	76.058
	USD		997,87	188.841
006	6. Chứng khoán lưu ký		207.042.620.000	256.952.400.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		144.233.220.000	220.862.260.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		144.233.220.000	220.862.260.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		59.788.040.000	36.090.140.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		59.788.040.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		2.718.000.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		2.718.000.000	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		303.360.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		303.360.000	-

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Hoài Thu



Nguyễn Văn Nguyên



Phạm Diễm Hoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	112.031.083.373	97.307.248.111
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		6.551.470.092	21.562.001.703
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		19.614.509.375	50.564.293.879
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		52.254.323.317	17.293.490.909
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		307.090.000	260.678.200
01.9	Doanh thu khác		33.303.690.589	7.626.783.420
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		112.031.083.373	97.307.248.111
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	69.658.075.925	11.874.979.029
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		42.373.007.448	85.432.269.082
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	23.808.076.640	9.006.050.885
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.564.930.808	76.426.218.197
31	8. Thu nhập khác		198.103.056	5.953.877.381
32	9. Chi phí khác		12.500.000	1.204.853.001
40	10. Lợi nhuận khác		185.603.056	4.749.024.380
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.750.533.864	81.175.242.577
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	4.296.544.575	14.107.667.451
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>14.453.989.289</u>	<u>67.067.575.126</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	395	3.635

Người lập

Đỗ Hoài Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Nguyên

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc



Phạm Diễm Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		77.498.849.486	82.002.485.097
02	2 Tiền chi hoạt động kinh doanh		(22.904.579.577)	(19.809.323.975)
05	3 Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		(1.112.496.565)	
06	4 Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		1.901.865.743.511	2.785.356.826.594
07	5 Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(1.908.167.421.098)	(2.781.208.910.482)
08	6 Tiền thu bán chứng khoán phát hành		68.016.565.500	
09	7 Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán		(66.222.446.500)	
10	8 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(8.620.173.886)	(27.209.587.992)
11	9 Tiền chi trả cho người lao động		(9.119.406.994)	(4.244.525.136)
12	10 Tiền chi trả lãi vay		(47.926.667)	
13	11 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(30.309.187.378)	(257.936.217)
14	12 Tiền thu khác		126.530.269.998	35.765.389.682
15	13 Tiền chi khác		(149.184.123.765)	(18.841.717.926)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(21.776.333.935)	51.552.699.645
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.473.915.191)	(45.000.000)
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(119.640.130.000)	(639.719.000.000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		122.221.600.000	385.634.583.333
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	10.450.000.000
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.748.864.601	3.717.911.350
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		31.856.419.410	(239.961.505.317)
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		137.000.000.000	198.000.000.000
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		11.060.000.000	
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(11.060.000.000)	
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(36.600.000.000)	(8.063.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		100.400.000.000	189.936.500.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		110.480.085.475	1.527.694.328
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		43.205.685.653	41.677.991.325
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	153.685.771.128	43.205.685.653

Người lập


Đỗ Hoài Thu

Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Nguyễn

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc


Phạm Diễm Hoa

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2010

Thuyết minh	Đầu năm		Tăng		Giảm		Cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	168.000.000.000	366.000.000.000	198.000.000.000	137.000.000.000	-	366.000.000.000	503.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-
Cênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-
Cênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính		76.220.730	6.782.978.243	6.706.757.513	-	-	6.782.978.243	6.782.978.243
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.274.228.846	29.023.046.376	67.067.575.126	14.453.989.289	(40.318.757.596)	(43.148.000.000)	29.023.046.376
								329.035.665
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		170.350.449.576	401.806.024.619	271.774.332.639	151.453.989.289	(40.318.757.596)	(43.148.000.000)	401.806.024.619
								510.112.013.908

Người lập



Đỗ Hoài Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Nguyên

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc




Phạm Diễm Hoa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch là: WALL STREET SECURITIES COMPANY, tên viết tắt là WSS.

Vốn điều lệ của Công ty là: 503.000.000.000 VND (Năm trăm linh ba tỷ đồng). Tương đương 50.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Phố Wall tại Tp. HCM	TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	9.466.536	399.596.210.608
- Cổ phiếu	9.466.536	399.596.210.608
Của người đầu tư	155.707.216	3.585.328.108.500
- Cổ phiếu	155.707.216	3.585.328.108.500
	165.173.752	3.984.924.319.108

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	514.856.734	90.040.766
Tiền gửi ngân hàng	2.831.636.984	11.417.394.279
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	8.339.277.410	8.198.250.608
Các khoản tương đương tiền	142.000.000.000	23.500.000.000
	153.685.771.128	43.205.685.653

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	31.493.472.591	36.795.162.799
- Chứng khoán niêm yết	31.493.472.591	25.975.484.749
- Chứng khoán chưa niêm yết	-	10.819.678.050
Đầu tư ngắn hạn khác	262.900.000.000	209.330.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	262.770.000.000	209.200.000.000
- Trái phiếu	130.000.000	130.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(7.991.842.138)	(866.948.300)
	286.401.630.453	245.258.214.499

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2010 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2010.

Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng, giảm so với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		Cuối năm		Đầu năm	Cuối năm	
					Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
			VND	VND	VND			VND	VND		
Cổ phiếu											
- TCM		2	-	35.800	-		11.200	-		47.000	
- SAM	100.000		2.820.000.000		40.000.000				2.860.000.000		
- STB		2	-	41.997	-		-	(9.597)	-	32.400	
- TCR		6	-	52.800	-		600	-	-	53.400	
- VTO		5	-	59.500	-		-	(15.000)	-	44.500	
- TNA		3	-	60.300	-		24.600	-	-	84.900	
- REE		4	-	66.401	-		4.399	-	-	70.800	
- PIT		5	-	68.000	-		-	(1.000)	-	67.000	
- SDD		6	-	72.590	-		3.610	-	-	76.200	
- SFC		2	-	93.000	-		-	(37.000)	-	56.000	
- HTI		7	-	108.500	-		-	(30.100)	-	78.400	
- TTC		20	-	200.000	-		-	(70.000)	-	130.000	
- AGF		6	-	211.800	-		-	(70.800)	-	141.000	
- DCS		12	-	238.800	-		-	(64.800)	-	174.000	
- PVC		10	-	259.000	-		9.000	-	-	268.000	
- MCO		14	-	267.400	-		-	(131.600)	-	135.800	
- VSP		10	-	272.000	-		15.000	-	-	287.000	
- KDC		6	-	310.000	-		-	(1.000)	-	309.000	
- NSC		8	-	312.800	-		-	(33.600)	-	279.200	
- CTS		21	-	405.300	-		-	(168.000)	-	237.300	
- VGS		19	-	473.100	-		-	(229.900)	-	243.200	
- ITC		15	-	480.000	-		-	(108.000)	-	372.000	
- VIC		9	-	495.000	-		382.500	-	-	877.500	
- CIC		30	-	513.000	-		-	(141.000)	-	372.000	
- BCC		40	-	536.000	-		-	(200.000)	-	336.000	
- HAI		15	-	580.500	-		-	(34.500)	-	546.000	
- TPH		72	-	720.000	-		-	(57.600)	-	662.400	
- TXM		75	-	727.500	-		-	(52.500)	-	675.000	
- ACB	291	25	2.910.000	817.485	7.886.100		-	(177.485)	10.796.100	640.000	
- DAE		61	-	829.600	-		-	(219.600)	-	610.000	

Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng, giảm so với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		Cuối năm		Đầu năm	Cuối năm	
					Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
			VND	VND	VND			VND	VND		
- V11		40	-	840.000	-		-	(344.000)	-	496.000	
- CTN		30	-	858.000	-		-	(438.000)	-	420.000	
- HBD		60	-	882.000	-		54.000	-	-	936.000	
- KLS	500.008	46	10.602.141.909	883.648	4.648.102.091		-	(143.048)	15.250.244.000	740.600	
- KSA		23.160		1.058.064.000				(15.864.000)		1.042.200.000	
- PVI	500.000	51	12.550.000.000	1.085.988	1.100.000.000		-	(173.088)	13.650.000.000	912.900	
- NHC		33	-	1.333.200	-		-	(211.200)	-	1.122.000	
- TH1		26	-	1.336.400	-		-	(436.800)	-	899.600	
- SHS		120	-	1.381.000	-		323.000	-	-	1.704.000	
- PLC		65	-	1.510.000	-		927.500	-	-	2.437.500	
- NBP		62	-	1.537.600	-		-	(148.800)	-	1.388.800	
- VC9		50	-	1.700.000	-		-	(820.000)	-	880.000	
- THT		67	-	1.896.100	-		-	(509.200)	-	1.386.900	
- VC2		38	-	1.896.200	-		-	(315.400)	-	1.580.800	
- SJE		80	-	2.250.000	-		-	(802.000)	-	1.448.000	
- QNC		67	-	2.338.300	-		-	(864.300)	-	1.474.000	
- VCS	11	45	432.840	2.605.023	227.160		-	(1.048.023)	660.000	1.557.000	
- VC1		80	-	3.832.000	-		-	(472.000)	-	3.360.000	
- HPC		239	-	4.800.400	-		-	(2.410.400)	-	2.390.000	
- CCI		21.000	-	438.900.000	-		-	(27.300.000)	-	411.600.000	
- NTB		44.670	-	765.969.649	-		2.354.351	-	-	768.324.000	
- PVF		65.010	-	1.620.967.000	-		-	(93.232.000)	-	1.527.735.000	
- PVS		80.060	-	1.697.956.000	-		-	(32.708.000)	-	1.665.248.000	
- VCG		45.992	-	1.743.614.129	-		-	(607.611.729)	-	1.136.002.400	
- DPM		47.500	-	1.819.494.990	-		-	(14.494.990)	-	1.805.000.000	
- MCG		122.580	-	2.051.228.000	-		-	(114.464.000)	-	1.936.764.000	
- DIC		119.005	-	2.631.131.314	-		-	(191.528.814)	-	2.439.602.500	
- CII		99.420	-	3.472.224.213	-		106.895.787	-	-	3.579.120.000	
- VIS		230.000	-	14.151.649.264	-		-	(6.883.649.264)	-	7.268.000.000	
- MB	370.000	-	10.819.678.050	-		(866.948.300)	-		11.686.626.350		
TỔNG CỘNG	1.470.310	900.106	36.795.162.799	31.493.472.591	5.796.215.351	(866.948.300)	111.005.547	(7.991.842.138)	43.458.326.450	23.612.636.000	

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	51.038.500	-
Bảo hiểm y tế	-	2.955.000
Phải thu lãi ngân hàng	5.623.362.027	2.291.482.501
Phải thu khác	122.432.874	318.489.975
	5.796.833.401	2.612.927.476

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.097.256.369	-
	12.097.256.369	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiết tại Phụ lục số 01

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm		1.420.583.400	1.420.583.400
Số tăng trong năm	-	727.365.900	727.365.900
- Mua sắm mới	-	727.365.900	727.365.900
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	2.147.949.300	2.147.949.300
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm		264.681.712	264.681.712
Số tăng trong năm	-	451.530.335	451.530.335
- Trích khấu hao	-	451.530.335	451.530.335
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	716.212.047	716.212.047
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu năm	-	1.155.901.688	1.155.901.688
Cuối năm	-	1.431.737.253	1.431.737.253

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
503.000.000.000	Nguyên giá	10.099.281.148	0,02
	Khấu hao	(3.984.492.080)	
	Giá trị còn lại	6.114.789.068	0,01

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	52.743.000.000	52.743.000.000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	52.743.000.000	52.743.000.000
Đầu tư dài hạn khác (*)	14.950.000.000	87.950.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(19.930.000.000)	-
	<u>47.763.000.000</u>	<u>140.693.000.000</u>

Tình hình đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng, giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.394.830	1.394.830	52.743.000.000	52.743.000.000	-	(19.930.000.000)	52.743.000.000	32.813.000.000	
Cổ phiếu	1.394.830	1.394.830	52.743.000.000	52.743.000.000	-	(19.930.000.000)	52.743.000.000	32.813.000.000	
- Cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đô thị	164.830	164.830	24.843.000.000	24.843.000.000		(8.360.000.000)	24.843.000.000	16.483.000.000	(*)
- Cổ phiếu Công ty CP Khoáng sản Thiên Đức	530.000	530.000	6.900.000.000	6.900.000.000		(1.070.000.000)	6.900.000.000	5.830.000.000	(*)
- Cổ phiếu Công ty CP May Đức Giang	700.000	700.000	21.000.000.000	21.000.000.000		(10.500.000.000)	21.000.000.000	10.500.000.000	(*)
TONG CỘNG	1.394.830 -	1.394.830 -	52.743.000.000 -	52.743.000.000 -	-	(19.930.000.000) -	52.743.000.000 -	32.813.000.000 -	

(*) Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn đầu năm được ghi nhận theo giá gốc, không có cơ sở để đánh giá giá trị thị trường.

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Góp vốn Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	14.950.000.000	14.950.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	73.000.000.000
	14.950.000.000	87.950.000.000

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2010
	VND
Số dư đầu năm	1.659.290.693
Số tăng trong năm	3.060.715.971
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(1.361.544.203)
Số dư cuối năm	3.358.462.461

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
Chi phí thành lập doanh nghiệp	4.957.847	564.784.218
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	346.438.951	490.427.223
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	2.226.508.163	604.079.252
Chi phí trả trước dài hạn khác	780.557.500	-
	3.358.462.461	1.659.290.693

12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.213.570.018	97.137.006
Tiền lãi phân bổ trong năm	28.387.592	3.936.447
Số cuối năm	1.361.957.610	221.073.453

13 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

Xem chi tiết tại Phụ lục 02

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.052.383.486
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13.915.386.434
Thuế Thu nhập cá nhân	362.368.938	29.822.733
	362.368.938	15.997.592.653

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	176.320.003	-
Chi phí phải trả khác	231.459.194	-
	407.779.197	-

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	147.148.269	210.584.026
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	33.336.806	8.905.579
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	8.339.277.410	8.198.250.608
	8.519.762.485	8.417.740.213

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	19.698.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	10.823.250	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.659.287.564	4.354.950.000
	7.689.808.814	4.354.950.000

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2010 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	0,00%	-	0,00%	-
Vốn góp của đối tượng khác	100,00%	503.000.000.000	100,00%	366.000.000.000
	100%	503.000.000.000	100%	366.000.000.000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	366.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	366.000.000.000	168.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	137.000.000.000	198.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	503.000.000.000	366.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	36.600.000.000	-
- Cổ tức tạm chia đợt 1 năm 2010	36.600.000.000	-

c) Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.300.000	36.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.300.000	36.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.300.000	36.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.300.000	36.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.300.000	36.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	112.031.083.373	97.307.248.111
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.551.470.092	21.562.001.703
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	19.614.509.375	50.629.346.879
- Doanh thu hoạt động tư vấn	52.254.323.317	17.293.490.909
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	307.090.000	260.678.200
- Thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-
- Doanh thu khác	33.303.690.589	7.561.730.420
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	112.031.083.373	97.307.248.111

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.113.742.506	4.917.547.724
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	33.485.621.619	957.449.452
Chi phí hoạt động tư vấn	117.210.363	64.639.368
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	234.885.130	35.805.480
Chi phí dự phòng	27.054.893.838	866.948.300
Chi phí khác	53.550.455	248.159.117
Chi phí trực tiếp chung	5.598.172.014	4.784.429.588
- Chi phí nhân viên	3.659.759.192	2.626.764.809
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	634.511.520	340.445.370
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	735.355.009	610.762.019
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	446.588.381	1.201.689.215
- Chi phí khác bằng tiền	121.957.912	4.768.175
	69.658.075.925	11.874.979.029

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.262.061.858	2.396.277.616
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	866.837.354	591.400.519
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.102.988.522	460.943.920
Thuế, phí và lệ phí	582.355.966	417.967.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.442.149.901	2.133.022.970
Chi phí khác bằng tiền	7.551.683.039	3.006.437.990
	23.808.076.640	9.006.050.885

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.750.533.864	81.175.242.577
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.564.355.565)	(560.000.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.245.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(1.574.600.565)	(560.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	17.186.178.299	80.615.242.577
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.296.544.575	20.153.810.644
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài chính (theo tờ khai tạm tính thuế TNDN của Công ty)		(6.046.143.193)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.296.544.575	14.107.667.451
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	13.915.386.434	65.655.200
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(30.309.187.378)	(257.936.217)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(12.097.256.369)	13.915.386.434

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	14.453.989.289	67.067.575.126
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.453.989.289	67.067.575.126
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	36.600.000	18.450.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	395	3.635

24 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư	8.339.277.410	8.198.250.608
	-	-
	8.339.277.410	8.198.250.608

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 25/1/2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC- UBCK, trong đó điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall là 503.000.000.000 VND (Năm trăm linh ba tỷ đồng).

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Môi giới, tự doanh, VND	Tư vấn VND	Thu lãi tiền gửi, cổ VND	Cộng toàn Công ty VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	26.473.069.467	52.254.323.317	33.303.690.589	112.031.083.373
 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	 (388.017.913)	 11.556.514.869	 7.396.433.852	 18.564.930.808
 Tài sản bộ phận	 4.703.586.388	 435.202.877	 48.566.684.330	 53.705.473.595
Tài sản không phân bổ				479.992.123.212
Tổng tài sản	4.703.586.388	435.202.877	48.566.684.330	533.697.596.807
 Nợ phải trả của các bộ phận	 8.376.826.141	 140.284.177.000	 6.812.988.869	 155.473.992.010
Nợ phải trả không phân bổ				(131.888.409.111)
Tổng nợ phải trả	8.376.826.141	140.284.177.000	32.247.218.251	23.585.582.899

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý

Công ty có văn phòng tại Hà Nội và Chi nhánh Hồ Chí Minh, tuy nhiên, tổng doanh thu phát sinh cũng như tổng tài sản và nợ phải trả của Chi nhánh Hồ Chí Minh chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng thể số liệu toàn Công ty nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại:

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u> VND	<u>Trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND
Bảng cân đối kế toán			
Tiền	300	19.705.685.653	43.205.685.653
Các khoản tương đương tiền	310	23.500.000.000	

Người lập



Đỗ Hoài Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Nguyên

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc



Phạm Diễm Hoa



TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Phụ lục số 01

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm		2.574.836.788	1.081.332.752	2.580.885.737	-	6.237.055.277
Số tăng trong năm	-	1.485.254.904	-	261.294.387	-	1.746.549.291
- Mua sắm mới	-	1.485.254.904	-	261.294.387	-	1.746.549.291
Số giảm trong năm	-	-	-	(32.272.720)	-	(32.272.720)
- Giảm khác	-	-	-	(32.272.720)	-	(32.272.720)
Số dư cuối năm	-	4.060.091.692	1.081.332.752	2.809.907.404	-	7.951.331.848
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm		624.723.324	129.284.912	916.359.653	-	1.670.367.889
Số tăng trong năm	-	862.775.032	180.222.132	556.707.908	-	1.599.705.072
- Trích khấu hao	-	862.775.032	180.222.132	556.707.908	-	1.599.705.072
Số giảm trong năm	-	-	-	(1.792.928)	-	(1.792.928)
- Giảm khác	-	-	-	(1.792.928)	-	(1.792.928)
Số dư cuối năm	-	1.487.498.356	309.507.044	1.471.274.633	-	3.268.280.033
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu năm	-	1.950.113.464	952.047.840	1.664.526.084	-	4.566.687.388
Cuối năm	-	2.572.593.336	771.825.708	1.338.632.771	-	4.683.051.815



CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
1. Phải thu của khách hàng	104.857.440	-	-	334.517.040.215	322.016.199.142	12.605.698.513	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	308.691.900	-	-	6.108.747.635	6.357.107.835	60.331.700	-	-	-
3. Phải thu nội bộ	3.000.000	-	-		3.000.000	-	-	-	-
4. Phải thu khác	2.612.927.476	-	-	100.831.215.263	97.647.309.338	5.796.833.401	-	-	-
Tổng cộng	3.029.476.816	-	-	378.355.810.973	373.308.136.505	18.462.863.614	-	-	-